

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

- Bản án số: 44/2022/HNGĐ - ST
- Ngày: 20 – 5 - 2022
- V/v: " *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhựt**;
2. Bà **Hồ Thị Bích Tuyền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Danh Nguyễn Thúy Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Danh L**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Minh Hưng, xã Minh H, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Anh L có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Chị **Danh Thị H**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Khu phố Minh An, thị trấn Minh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Danh L trình bày:* Vào năm 2008 anh và chị Danh Thị H thương nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và chị H có 02 người con chung tên Danh Thị Ngọc D, sinh ngày 17/3/2004 và Danh Ngọc A, sinh ngày 02/10/2009, hiện nay cháu D đã trưởng thành còn cháu Ngọc A đang sống cùng anh Lộc.

Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau cuộc sống vợ chồng anh bất hòa, nguyên nhân bất hòa là do bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau mặc dù anh và chị H và vợ cố gắng khắc nhưng vẫn không có tiếng nói chung nên giữa anh và chị Hạnh đã ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay.

Về tài sản chung trong quá trình chung sống vợ chồng anh có tạo lập được một số tài sản chung hiện nay do anh đang quản nhưng anh L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết anh đồng ý để lại cho con.

Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Danh L yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin được ly hôn với chị Danh Thị H

- *Về việc nuôi con chung:* Gồm có 02 con chung tên Danh Thị Ngọc Dung, sinh ngày 17/3/2004 và Danh Ngọc Anh, sinh ngày 02/10/2009, hiện nay cháu Dung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Ngọc Anh thì yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con nếu con sống với anh thì anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu con sống với chị Hạnh thì anh đồng ý giao cho chị Hạnh nuôi dưỡng và anh không đồng ý cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Về tài sản chung trong quá trình chung sống vợ chồng anh có tạo lập được một số tài sản chung hiện nay do anh đang quản nhưng anh Lộc xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết anh đồng ý để lại cho con.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/5/2022 bị đơn chị Danh Thị H trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay anh L yêu cầu xin ly hôn thì chị có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Đồng ý ly hôn với anh Danh L

- *Về việc nuôi con chung*: Gồm có 02 con chung tên Danh Thị Ngọc Dung, sinh ngày 17/3/2004 và Danh Ngọc Anh, sinh ngày 02/10/2009, hiện nay cháu Dung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Ngọc Anh thì yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con nếu con sống với chị thì chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu con sống với anh L thì chị đồng ý giao cho anh L nuôi dưỡng và chị không đồng ý cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Về tài sản chung trong quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung hiện nay do anh L đang quản nhưng chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết chị đồng ý để lại cho con.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Danh L và chị Danh Thị Hạnh.

- Về con chung: Giao con chung tên Danh Ngọc Anh, sinh ngày 02/10/2009 cho anh Lộc chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con), anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Đối với con chung tên Danh Thị Ngọc Dung, sinh ngày 17/3/2004 hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Danh L và chị Danh Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Danh L và chị Danh Thị H cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Nguyên đơn anh Danh L khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Danh Thị H có hộ khẩu thường trú Khu phố Minh A, thị trấn Minh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn chị Danh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Danh Lộc và chị Danh Thị Hạnh chung sống với nhau vào năm 2008 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận anh Danh Lộc và chị Danh Thị H là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Anh Danh L và chị Danh Thị H xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Danh Thị Ngọc Dung, sinh ngày 17/3/2004 và Danh Ngọc Anh, sinh ngày 02/10/2009 hiện nay cháu Dung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với cháu Ngọc Anh từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay cháu Ngọc Anh sống với anh Lộc và trong quá trình giải quyết vụ án anh L và chị H thống nhất yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con đồng thời tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của cháu Ngọc Anh thể hiện cháu có nguyện vọng sống với anh Lộc và tại phiên tòa anh L cũng yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc Anh nên

HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu Ngọc Anh cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho anh Lộc về quyền yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng anh Lộc xác định không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con và việc anh Lộc không yêu cầu chị Hạnh phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lộc và chị Hạnh xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Anh Danh Lộc và chị Danh Thị Hạnh cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Danh Lộc là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Danh L và chị Danh Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Ngọc Anh, sinh ngày 02/10/2009 cho anh Lộc tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Anh L không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị Danh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Danh L và chị Danh Thị H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Danh L và chị Danh Thị H cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Danh Lộc phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001116 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; Anh L không phải nộp thêm.

6. “ *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014*”.

7. Quyền kháng cáo: Anh Danh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Danh Thị H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

